

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TP  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1123/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30- 9- 2022  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TP – THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc N

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Bà Nguyễn Thị Bông H

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Mạnh H, Thư ký Tòa án nhân dân quận TP, Thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TP tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan A- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận TP, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 686/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 648/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 760/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hải Đ, sinh năm 1982,

Địa chỉ: Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp. H; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Văn Chấn P, sinh năm 1981,

Địa chỉ: Đoàn Hồng Phước, phường H, quận TP, Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Văn Chấn P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 64/2004, ngày 14/12/2004 của Ủy ban nhân dân phường H, quận TP, Thành phố H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống hai bên không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc trong gia đình. Hai bên không còn quan tâm nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, căng thẳng, mệt mỏi. Vợ chồng ly thân hơn nửa năm nay, hiện bà đã dọn ra ngoài sinh sống. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, hai bên không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phong để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Bà Đ khai có một con chung tên Văn Thục N, sinh ngày 24/10/2005. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phong cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đ khai không có.

Bị đơn ông Văn Chấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phong đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Văn Chấn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến với những nội dung chính sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thủ lý vụ việc, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: đúng quy định tại các Điều từ Điều 239 đến 260 và Điều 263 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Nhận thấy mẫu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông P đã thật sự trầm trọng, bà Đ yêu cầu ly hôn, ông P không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa để hòa giải đoàn tụ, điều này thể hiện ông P không còn mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, nên bà Đ yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ các Điều 68, 72, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Bà Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Văn Thục N, sinh ngày 24/10/2005; ông P không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc nuôi con sau khi ly hôn nên không có cơ sở xem xét ý kiến của ông P, vì vậy bà Đ yêu cầu nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông P do bà Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Hải Đ khai không có nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ phải chịu án phí theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ yêu cầu ly hôn ông Văn Chấn P, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 20/7/2022 của Công an phường H, quận TP thì bị đơn ông Văn Chấn P hiện cư trú tại nhà Đoàn Hồng Phước, phường H, quận TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận TP, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Văn Chấn P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông P đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2004, ngày 14/12/2004 của Ủy ban nhân dân phường H, quận TP, Thành phố H có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Trần Thị Hải Đ và ông Văn Chấn P là hợp pháp, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Trần Thị Hải Đ trình bày cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không còn phù hợp. Hai bên không còn quan tâm nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, căng thẳng, mệt mỏi. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả, từ năm 2021 bà và ông P không sống chung. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, bà không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã triệu tập ông P đến Tòa để hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông P đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ, điều này thể hiện ông P không còn mong muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...” “vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau ”.

Từ những lời trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông P đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu; hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn; đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Hải Đ yêu cầu ly hôn với ông Văn Chấn P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Hải Đ khai có một con chung tên Văn Thục N, sinh ngày 24/10/2005. Bà Đ yêu cầu được quyền trực nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2022, trẻ Văn Thục N trình bày hiện đang sống chung với mẹ, trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ông P không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc nuôi con sau khi ly hôn nên không có cơ sở xem xét ý kiến của ông P, vì vậy, để ổn định tâm sinh lý

và vì quyền lợi về mọi mặt của các con nên quyết định giao con chung cho bà Trần Thị Hải Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông P do bà Đ không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hải Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Hải Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hải Đ.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hải Đ được ly hôn với ông Văn Chấn P.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2004, ngày 14/12/2004 của Ủy ban nhân dân phường H, quận TP, Thành phố H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hải Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Văn Thục N, sinh ngày 24/10/2005. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Văn Chấn P do bà Trần Thị Hải Đ không yêu cầu.

Trong trường hợp bà Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Hải Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**2.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hải Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035790 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TP. Bà Trần Thị Hải Đ đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3.** Quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố H;
- VKSND quận TP;
- Chi cục THADS quận TP;
- UBND phường H, quận TP, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc N**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

